

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/DS-ST**
Ngày: 16-7-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Hữu, ông Phạm Thanh Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày 30/5/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N1).

Địa chỉ: Số B - B, C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số 201 – 203, C, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chủ tịch HĐQT.

- Đại diện theo ủy quyền: Anh Đỗ Thành S, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Lê Hoàng G – Nhân viên xử lý nợ Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP N. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Q1, G N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Nay là: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Q1, G N, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ liên lạc: Lầu F, Số D L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Lầu 6, Số D L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn P – sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nay là: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đỗ Thành S trình bày:

Vào ngày 05/10/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N1) – Phòng G1 và anh Phan Văn P đã ký kết Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ, hợp đồng bảo đảm bằng một phần số dư của sổ tiết kiệm, giấy đề nghị phong tỏa tài khoản để phát hành thẻ tín dụng số 0414/2017/917-CV (Gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Căn cứ vào thu nhập của anh P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đến ngày 09/10/2017, anh P đến Ngân hàng nhận thẻ về sử dụng. Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 16/7/2025, anh P có giao dịch tổng số tiền 30.000.000đ và anh P đã thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 900.000đ. Tại thời điểm tháng 11/2017 đến tháng 3/2018, anh Phan Văn P thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 27%/năm và phí chậm thanh toán. Tháng 4/2018, anh P không thanh toán nên bắt đầu chuyển nợ quá hạn với lãi suất 40.5%/năm.

Tính đến ngày 16/7/2025, anh P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là 29.615.000đ, tổng nợ lãi là 90.327.319đ, tổng cộng là 119.942.319đ.

Ngân hàng đã liên hệ với anh P nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng anh P vẫn không có thiện chí trả nợ.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu anh Phan Văn P phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 16/7/2025 gồm: Nợ gốc là 29.615.000 đồng, tổng nợ lãi là 90.327.319đ, tổng cộng là 119.942.319đ.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu anh P phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/7/2025 đến ngày anh P trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 05/10/2017.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N do anh Đỗ Thành S là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Phan Văn P: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh P đến Tòa án làm việc nhưng anh P không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phan Văn P phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc là 29.615.000đ, tổng nợ lãi là 90.327.319đ, tổng cộng là 119.942.319đ.

+ Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phan Văn P phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn anh Phan Văn P cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 –Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, anh Phan Văn P là người bị kiện nên xác định là bị đơn.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N ủy quyền cho anh Đỗ Thành S đại diện tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định anh S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do giao dịch dân sự được xác lập và thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này và Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về số tiền nợ gốc: Căn cứ Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ, hợp đồng bảo đảm bằng một phần số dư của sổ tiết kiệm, giấy đề nghị phong tỏa tài khoản để phát hành thẻ tín dụng số 0414/2017/917-CV (Gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Căn cứ vào thu nhập của anh P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo Bảng sao kê thanh toán thẻ hàng tháng của anh Phan Văn P do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng vào ngày 05/10/2017 đến kỳ sao kê ngày 16/7/2025, anh P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng và thanh toán cho N2 tổng số tiền 900.000 đồng.

Xét nội dung các đương sự thỏa thuận về số tiền, mục đích cấp tín dụng là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, thỏa thuận tín dụng giữa các bên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh Phan Văn P đã sử dụng số tiền theo thẻ tín dụng nhưng vi phạm thanh toán tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 29.615.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Về số tiền lãi: Từ thời điểm tháng 11/2017 đến tháng 3/2018 anh P không thanh toán đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn và phí chậm thanh toán. Từ tháng 4/2018 anh P không thanh toán nên ngân hàng chuyển nợ quá hạn.

Về mức lãi suất được áp dụng: Theo khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật về các tổ chức tín dụng”*. Như vậy, lãi suất của hợp đồng vay được xác định theo thỏa thuận mà không theo quy định về lãi của Bộ luật Dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 16/7/2025), tổng nợ lãi là 90.327.319đ.

[3.3]. Từ những nhận định nêu trên, xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu anh Phan Văn P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày 16/7/2025 gồm tiền nợ gốc là 29.615.000đ, tổng nợ lãi là 90.327.319đ, tổng cộng là 119.942.319đ là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, anh Phan Văn P còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/10/2017 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

[4]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là $119.942.319đ \times 5\% = 5.997.116đ$. Làm tròn là 5.997.000đ.

[5]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 100, khoản 1 Điều 103 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với anh Phan Văn P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Phan Văn P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ gốc là 29.615.000đ, tổng nợ lãi là 90.327.319đ, tổng cộng là 119.942.319đ. Làm tròn là 119.942.000đ (Một trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày 17/7/2025, anh Phan Văn P còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/10/2017 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Về án phí: Anh Phan Văn P phải chịu 5.997.000đ. (Năm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020966 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 8 – Đồng Nai).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV8 – Đồng Nai;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Viết Hữu

Phạm Thanh Lam

Phạm Tuấn